

## THÔNG BÁO

### Thi tuyển viên chức vào làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội năm 2019

Thực hiện Kế hoạch số 3565/KH-KSBT ngày 25/10/2019 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch Tổ chức triển khai Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Thi tuyển viên chức vào làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội năm 2019,

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội thông báo kế hoạch tuyển dụng viên chức vào làm việc tại Trung tâm năm 2019 như sau:

#### I. Chỉ tiêu thi tuyển viên chức

Tổng chỉ tiêu thi tuyển: 82 chỉ tiêu, trong đó

- Các chức danh nghề nghiệp hạng III (yêu cầu trình độ đào tạo từ đại học trở lên): 67 chỉ tiêu.

- Các chức danh nghề nghiệp hạng IV (yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng, trung cấp trở lên): 15 chỉ tiêu.

(Chi tiết chỉ tiêu từng chức danh nghề nghiệp thi tuyển theo phụ lục 1,2 kèm theo)

#### II. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn tham gia dự tuyển:

##### 1. Điều kiện, tiêu chuẩn:

a. Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký thi tuyển vào viên chức làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội năm 2019:

- Có quốc tịch Việt Nam, cư trú tại Việt Nam;
- Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có Phiếu đăng ký thi tuyển;
- Có Lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

b. Những người sau đây không được đăng ký thi tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

##### 2. Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Người đăng ký dự thi tuyển viên chức nộp trực tiếp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu (Mẫu số 03 đính kèm kế hoạch này) vào một vị trí việc làm (nếu đăng ký thi tuyển vào từ 2 vị trí trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách dự thi), người đăng ký dự tuyển viên

chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong phiếu.

- Sau khi có Thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

- Trường hợp người trúng tuyển không đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội để hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

### **III. Hình thức, nội dung tuyển dụng**

**1. Hình thức tuyển dụng:** Thi tuyển 2 vòng thi theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; cụ thể như sau:

*1.1. Thi Vòng 1:* Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần thi (Do Tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi Tin học):

- Phần I:

- + Thi Kiến thức chung: 60 câu hỏi về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách; nhiệm vụ của viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

- + Thời gian thi: 60 phút.

- Phần II:

- + Thi Ngoại ngữ: 30 câu hỏi của một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc

- + Thời gian thi: 30 phút

- Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- + Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

- + Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định ở Phần trên mục này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2012.

- Kết quả vòng 1 thi trên máy vi tính, thí sinh được biết ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính; không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

*1.2. Thi vòng 2:* Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

TH  
RI  
N  
IA

- Nội dung thi:
    - + Kiến thức, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển viên chức theo yêu cầu của từng vị trí việc làm cần tuyển dụng;
    - + Sở Y tế tổ chức xây dựng các đề thi môn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành bảo đảm phù hợp với yêu cầu của từng vị trí việc làm cần tuyển và sẽ thông báo nội dung ôn tập, tổ chức ôn tập cho thí sinh cụ thể sau.
  - Hình thức thi: Thi viết trên giấy.
  - Thang điểm thi viết: 100 điểm
  - Thời gian làm bài thi: 180 phút
- 1.3. Thời gian tổ chức thi vòng 1, vòng 2: Sở Y tế sẽ có thông báo cụ thể trên trang website của Sở Y tế Hà Nội

## **2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức**

- 2.1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:
- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 đạt từ 50 điểm trở lên.
  - Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 điều 5 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.
- 2.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Sở Y tế Hà Nội quyết định người trúng tuyển.
- 2.3. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:
- a. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;
  - b. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;
  - c. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;
  - d. Trường hợp người dự thi tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên tại điểm a,b,c thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo các quy định

d. Trường hợp người dự thi tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên tại điểm a,b,c thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo các quy định về ưu tiên trong tuyển dụng viên chức của tiểu mục 2.3 mục 2 phần III của thông báo này;

2.4. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

### **3. Chấm thi và phúc khảo kết quả bài thi:**

Quy trình chấm thi và chấm phúc khảo bài thi, thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng tuyển dụng Sở Y tế ban hành các quy trình theo quy định và theo thẩm quyền được phân cấp.

### **4. Lệ phí dự tuyển:**

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 300.000 đồng/thí sinh.
- Địa điểm thu lệ phí: Tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội

## **IV. Thời gian tổ chức thực hiện**

### **1. Thời gian, địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển:**

- Thời gian tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển: Trong giờ hành chính, bắt đầu từ 8h00 ngày 11/11/2019 đến 17h00 ngày 11/12/2019 (trừ các ngày lễ, tết, ngày thứ bảy và chủ nhật).

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Tại Phòng 307, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.

**2. Thời gian, địa điểm tổ chức thi tuyển vòng 1, vòng 2 và các công việc tiếp theo:** Trung tâm sẽ thông báo cụ thể trên website, bảng tin của Trung tâm .

Yêu cầu: Các ứng viên đăng ký dự tuyển, thường xuyên theo dõi Website: <http://soyte.hanoi.gov.vn>, bảng tin của Sở Y tế Hà Nội và trên Website: <http://hanoicdc.gov.vn/>, bảng tin của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.

Trên đây là Thông báo Thi tuyển viên chức vào làm việc tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội năm 2019. Đề nghị các khoa, phòng, cá nhân có liên quan nghiên cứu triển khai thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

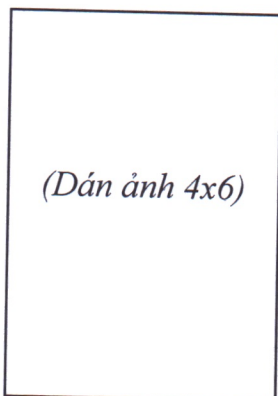
- Sở Y tế (để báo cáo);
- Ban Giám đốc Trung tâm;
- Các khoa/phòng;
- Lưu: VT, TCHC.



**Nguyễn Nhật Cảm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019



**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC**  
**(THI TUYỂN)**

**Vị trí dự tuyển<sup>(1)</sup>:** .....

**Đơn vị dự tuyển<sup>(2)</sup>:** .....

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam ☐ Nữ ☐

Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Số điện thoại di động để báo tin:..... Email:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....

Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng:.....kg

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hóa:.....

Trình độ chuyên môn: .....Loại hình đào tạo:.....

**II. THÔNG TIN ĐÀO TẠO**

| Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ | Tên trường, cơ sở đào tạo cấp | Trình độ văn bằng, chứng chỉ | Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ | Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm) | Ngành đào tạo | Hình thức đào tạo | Xếp loại bằng, chứng chỉ |
|------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|---------------|-------------------|--------------------------|
|                                          |                               |                              |                                 |                                           |               |                   |                          |
|                                          |                               |                              |                                 |                                           |               |                   |                          |
|                                          |                               |                              |                                 |                                           |               |                   |                          |

**III. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC**

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do: .....

#### **IV. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ**

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ: .....

#### **V. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN** (nếu có ghi chính xác thuộc đối tượng ưu tiên nào)

.....  
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật từ những giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ bản gốc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

**NGƯỜI VIẾT PHIẾU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

#### **Ghi chú:**

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;

**PHỤ LỤC 1:**  
**TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ**  
**HÀ NỘI NĂM 2019**

| STT | Tên khoa, phòng                       | Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 | Mã số chức danh nghề nghiệp |    | Hạng chức danh nghề nghiệp       |  |
|-----|---------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|----|----------------------------------|--|
|     |                                       |                                        | Mã số chức danh nghề nghiệp |    | Hạng chức danh nghề nghiệp       |  |
| 1   | Khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm   | 15                                     | V.08.01.03                  |    | Bác sỹ (hạng III)                |  |
| 2   | Khoa Phòng, chống HIV/AIDS            | 6                                      | V.08.02.06                  | 14 | Bác sỹ y học dự phòng (hạng III) |  |
| 3   | Khoa Phòng chống bệnh không lây nhiễm | 5                                      | V.08.08.22                  |    | Dược sỹ (hạng III)               |  |
| 4   | Khoa Dinh dưỡng                       | 4                                      | V.08.08.23                  |    | Dược (hạng IV)                   |  |
|     |                                       |                                        | V.08.07.19                  |    | Kỹ thuật y (hạng IV)             |  |
|     |                                       |                                        | V.08.05.13                  | 1  | Điều dưỡng (hạng IV)             |  |
|     |                                       |                                        | V.08.03.07                  |    | Y sỹ (hạng IV)                   |  |
|     |                                       |                                        | V.05.02.07                  |    | Kỹ sư (hạng III)                 |  |
|     |                                       |                                        | V.08.04.10                  | 4  | Y tế công cộng (hạng III)        |  |
|     |                                       |                                        | V.08.09.25                  | 3  | Dinh dưỡng (hạng III)            |  |
|     |                                       |                                        | V.09.04.02                  | 2  | Công tác xã hội viên (hạng III)  |  |
|     |                                       |                                        | V.11.02.06                  |    | Phóng viên (hạng III)            |  |

| STT | Tên khoa, phòng                          | Chi tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 | Hạng chức danh nghề nghiệp  | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ y học dự phòng (hạng III) | Dược sỹ (hạng III) | Dược (hạng IV) | Kỹ thuật y (hạng IV) | Điều dưỡng (hạng IV) | Y sỹ (hạng IV) | Kỹ sư (hạng III) | Y tế công cộng (hạng III) | Dinh dưỡng (hạng III) | Công tác xã hội viên (hạng III) | Phóng viên (hạng III) |
|-----|------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------------------------------|--------------------|----------------|----------------------|----------------------|----------------|------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|
|     |                                          |                                        | Mã số chức danh nghề nghiệp | V.08.01.03        | V.08.02.06                       | V.08.08.22         | V.08.08.23     | V.08.07.19           | V.08.05.13           | V.08.03.07     | V.05.02.07       | V.08.04.10                | V.08.09.25            | V.09.04.02                      | V.11.02.06            |
| 5   | Khoa Sức khỏe môi trường-Y tế trường học | 6                                      |                             |                   | 2                                |                    |                |                      |                      |                | 2                | 2                         |                       |                                 |                       |
| 6   | Khoa Bệnh nghề nghiệp                    | 3                                      |                             |                   | 1                                |                    |                |                      |                      | 2              |                  |                           |                       |                                 |                       |
| 7   | Khoa Sức khỏe sinh sản                   | 5                                      |                             | 3                 |                                  |                    |                |                      | 1                    |                |                  | 1                         |                       |                                 |                       |
| 8   | Khoa Truyền thông, Giáo dục sức khỏe     | 5                                      |                             |                   | 1                                |                    |                |                      |                      |                |                  | 1                         |                       |                                 | 3                     |
| 9   | Khoa Ký sinh trùng - Côn trùng           | 3                                      |                             |                   | 1                                |                    |                | 1                    |                      |                | 1                |                           |                       |                                 |                       |
| 10  | Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế              | 8                                      |                             |                   | 2                                |                    |                |                      | 5                    |                | 1                |                           |                       |                                 |                       |
| 11  | Khoa Dược-Vật tư y tế                    | 2                                      |                             |                   |                                  | 1                  | 1              |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |

| STT | Tên khoa, phòng                                        | Chi tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 | Hạng chức danh nghề nghiệp  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------------------------------|--------------------|----------------|----------------------|----------------------|----------------|------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|----------|
|     |                                                        |                                        | Mã số chức danh nghề nghiệp | Bác sỹ (hạng III) | Bác sỹ y học dự phòng (hạng III) | Dược sỹ (hạng III) | Dược (hạng IV) | Kỹ thuật y (hạng IV) | Điều dưỡng (hạng IV) | Y sỹ (hạng IV) | Kỹ sư (hạng III) | Y tế công cộng (hạng III) | Dinh dưỡng (hạng III) | Công tác xã hội viên (hạng III) | Phóng viên (hạng III) |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.01.03                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.02.06                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.08.22                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.08.23                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.07.19                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.05.13                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.03.07                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.05.02.07                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.04.10                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.08.09.25                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.09.04.02                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
|     |                                                        |                                        | V.11.02.06                  |                   |                                  |                    |                |                      |                      |                |                  |                           |                       |                                 |                       |          |
| 12  | Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng | 6                                      |                             |                   | 1                                | 1                  |                |                      |                      |                | 3                | 1                         |                       |                                 |                       |          |
| 13  | Phòng khám đa khoa                                     | 6                                      |                             | 1                 |                                  |                    |                | 1                    | 2                    | 1              |                  |                           |                       |                                 | 1                     |          |
| 14  | Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ                               | 8                                      |                             |                   | 2                                |                    |                |                      |                      |                | 3                | 3                         |                       |                                 |                       |          |
|     | <b>Tổng cộng</b>                                       | <b>82</b>                              |                             | <b>5</b>          | <b>28</b>                        | <b>2</b>           | <b>1</b>       | <b>2</b>             | <b>9</b>             | <b>3</b>       | <b>10</b>        | <b>16</b>                 | <b>2</b>              | <b>1</b>                        |                       | <b>3</b> |

**PHỤ LỤC 2:**  
**CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**NĂM 2019**

| TT       | Tên khoa, phòng                       | Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 |                                                            |                                   |                                                            |          |                                                                           |            |
|----------|---------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------|------------|
|          |                                       | Số lượng<br>cần tuyển                  | Vị trí việc làm cần<br>tuyển dụng<br>(Tên vị trí việc làm) | Mã số chức<br>danh nghề<br>nghiệp | Hạng chức danh<br>nghề nghiệp (ghi<br>rõ Tên hạng<br>CDNN) | Trình độ | Ngành hoặc chuyên<br>ngành đào tạo theo<br>yêu cầu của vị trí việc<br>làm | Ghi<br>chú |
| 1        | 2                                     | 3                                      | 4                                                          | 5                                 | 6                                                          | 7        | 8                                                                         | 9          |
| <b>I</b> | <b>Khối Hoạt động nghề nghiệp</b>     |                                        |                                                            |                                   |                                                            |          |                                                                           |            |
| 1        | Khoa Phòng, chống bệnh truyền nhiễm   | 14                                     | Bác sỹ y học dự phòng                                      | V.08.02.06                        | Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III)                           | Đại học  | Bác sỹ y học dự phòng                                                     |            |
|          |                                       | 1                                      | Điều dưỡng cao đẳng, trung cấp                             | V.08.05.13                        | Điều dưỡng hạng IV                                         | Cao đẳng | Điều dưỡng                                                                |            |
| 2        | Khoa Phòng, chống HIV/AIDS            | 2                                      | Bác sỹ y học dự phòng                                      | V.08.02.06                        | Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III)                           | Đại học  | Bác sỹ y học dự phòng                                                     |            |
|          |                                       | 4                                      | Y tế công cộng                                             | V.08.04.10                        | Y tế công cộng (hạng III)                                  | Đại học  | Y tế công cộng                                                            |            |
| 3        | Khoa Phòng chống bệnh không lây nhiễm | 2                                      | Bác sỹ y học dự phòng                                      | V.08.02.06                        | Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III)                           | Đại học  | Bác sỹ y học dự phòng                                                     |            |
|          |                                       | 3                                      | Y tế công cộng                                             | V.08.04.10                        | Y tế công cộng (hạng III)                                  | Đại học  | Y tế công cộng                                                            |            |

| TT | Tên khoa, phòng                          | Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 |                                                         |                             |                                                   |           |                                                                  |         |
|----|------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                                          | Số lượng cần tuyển                     | Vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>(Tên vị trí việc làm) | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp (ghi rõ Tên hạng CDNN) | Trình độ  | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm | Ghi chú |
| 1  | 2                                        | 3                                      | 4                                                       | 5                           | 6                                                 | 7         | 8                                                                | 9       |
| 4  | Khoa Dinh dưỡng                          | 1                                      | Bác sỹ                                                  | V.08.01.03                  | Bác sĩ (hạng III)                                 | Đại học   | Bác sỹ đa khoa                                                   |         |
|    |                                          | 1                                      | Y tế công cộng                                          | V.08.04.10                  | Y tế công cộng (hạng III)                         | Đại học   | Y tế công cộng                                                   |         |
|    |                                          | 2                                      | Dinh dưỡng đại học                                      | V.08.09.25                  | Dinh dưỡng (hạng III)                             | Đại học   | Dinh dưỡng                                                       |         |
| 5  | Khoa Sức khỏe môi trường-Y tế trường học | 2                                      | Bác sỹ y học dự phòng                                   | V.08.02.06                  | Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III)                  | Đại học   | Bác sỹ y học dự phòng                                            |         |
|    |                                          | 2                                      | Y tế công cộng                                          | V.08.04.10                  | Y tế công cộng (hạng III)                         | Đại học   | Y tế công cộng                                                   |         |
| 6  | Bệnh nghề nghiệp                         | 1                                      | Bác sỹ y học dự phòng                                   | V.08.02.06                  | Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III)                  | Đại học   | Bác sỹ y học dự phòng                                            |         |
|    |                                          | 2                                      | Y sĩ                                                    | V.08.03.07                  | Y sĩ hạng IV                                      | Trung cấp | Y sĩ đa khoa                                                     |         |

| TT | Tên khoa, phòng                      | Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 |                                                         |                             |                                                   |                   |                                                                  |   | Ghi chú |
|----|--------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------|---|---------|
|    |                                      | Số lượng cần tuyển                     | Vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>(Tên vị trí việc làm) | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp (ghi rõ Tên hạng CDNN) | Trình độ          | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm |   |         |
| 1  | 2                                    | 3                                      | 4                                                       | 5                           | 6                                                 | 7                 | 8                                                                | 9 |         |
| 7  | Khoa Sức khỏe sinh sản               | 3                                      | Bác sĩ                                                  | V.08.01.03                  | Bác sĩ (hạng III)                                 | Đại học           | Bác sĩ đa khoa                                                   |   |         |
|    |                                      | 1                                      | Y tế công cộng                                          | V.08.04.10                  | Y tế công cộng (hạng III)                         | Đại học           | Y tế công cộng                                                   |   |         |
|    |                                      | 1                                      | Điều dưỡng cao đẳng, trung cấp                          | V.08.05.13                  | Điều dưỡng hạng IV                                | Cao đẳng          | Điều dưỡng                                                       |   |         |
| 8  | Khoa Truyền thông, Giáo dục sức khỏe | 1                                      | Bác sĩ y học dự phòng                                   | V.08.02.06                  | Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)                  | Đại học           | Bác sĩ y học dự phòng                                            |   |         |
|    |                                      | 1                                      | Y tế công cộng                                          | V.08.04.10                  | Y tế công cộng (hạng III)                         | Đại học           | Y tế công cộng                                                   |   |         |
| 9  | Khoa Ký sinh trùng - Côn trùng       | 1                                      | Bác sĩ y học dự phòng                                   | V.08.02.06                  | Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)                  | Đại học           | Bác sĩ y học dự phòng                                            |   |         |
|    |                                      | 1                                      | Kỹ thuật y cao đẳng, trung cấp                          | V.08.07.19                  | Kỹ thuật y hạng IV                                | Trung cấp trở lên | Kỹ thuật viên Xét nghiệm Ký sinh trùng- Côn trùng                |   |         |

| TT | Tên khoa, phòng                                        | Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 |                                                         |                             |                                                   |          |                                                                  |         |
|----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                                                        | Số lượng cần tuyển                     | Vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>(Tên vị trí việc làm) | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp (ghi rõ Tên hạng CDNN) | Trình độ | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm | Ghi chú |
| 1  | 2                                                      | 3                                      | 4                                                       | 5                           | 6                                                 | 7        | 8                                                                | 9       |
| 10 | Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế                            | 2                                      | Bác sỹ y học dự phòng                                   | V.08.02.06                  | Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III)                  | Đại học  | Bác sỹ y học dự phòng                                            |         |
|    |                                                        | 5                                      | Điều dưỡng cao đẳng, trung cấp                          | V.08.05.13                  | Điều dưỡng hạng IV                                | Cao đẳng | Điều dưỡng                                                       |         |
| 11 | Khoa Dược-Vật tư y tế                                  | 1                                      | Dược sỹ đại học                                         | V.08.08.22                  | Dược sỹ (hạng III)                                | Đại học  | Dược sỹ                                                          |         |
|    |                                                        | 1                                      | Dược sỹ cao đẳng, trung cấp                             | V.08.08.24                  | Dược hạng IV                                      | Cao đẳng | Dược sỹ                                                          |         |
| 12 | Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng | 1                                      | Bác sỹ y học dự phòng                                   | V.08.02.06                  | Bác sỹ Y học dự phòng (hạng III)                  | Đại học  | Bác sỹ y học dự phòng                                            |         |
|    |                                                        | 1                                      | Y tế công cộng                                          | V.08.04.10                  | Y tế công cộng (hạng III)                         | Đại học  | Y tế công cộng                                                   |         |
|    |                                                        | 1                                      | Dược sỹ đại học                                         | V.08.08.22                  | Dược sỹ (hạng III)                                | Đại học  | Dược sỹ                                                          |         |

| TT        | Tên khoa, phòng              | Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 |                                                         |                             |                                                   |                   |                                                                  |         |
|-----------|------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------|---------|
|           |                              | Số lượng cần tuyển                     | Vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>(Tên vị trí việc làm) | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp (ghi rõ Tên hạng CDNN) | Trình độ          | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm | Ghi chú |
| 1         | 2                            | 3                                      | 4                                                       | 5                           | 6                                                 | 7                 | 8                                                                | 9       |
| 13        | Phòng khám đa khoa           | 1                                      | Bác sĩ                                                  | V.08.01.03                  | Bác sĩ (hạng III)                                 | Đại học           | Bác sĩ đa khoa                                                   |         |
|           |                              | 1                                      | Y sĩ                                                    | V.08.03.07                  | Y sĩ hạng IV                                      | Trung cấp         | Y sĩ đa khoa                                                     |         |
|           |                              | 2                                      | Điều dưỡng cao đẳng, trung cấp                          | V.08.05.13                  | Điều dưỡng hạng IV                                | Cao đẳng          | Điều dưỡng                                                       |         |
|           |                              | 1                                      | Kỹ thuật y cao đẳng, trung cấp                          | V.08.07.19                  | Kỹ thuật y hạng IV                                | Trung cấp trở lên | Kỹ thuật Y                                                       |         |
| 14        | Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ     | 3                                      | Y tế công cộng                                          | V.08.04.10                  | Y tế công cộng (hạng III)                         | Đại học           | Y tế công cộng                                                   |         |
|           |                              | 2                                      | Bác sĩ y học dự phòng                                   | V.08.02.06                  | Bác sĩ Y học dự phòng (hạng III)                  | Đại học           | Bác sĩ y học dự phòng                                            |         |
| <b>II</b> | <b>Khối Hỗ trợ, phục vụ:</b> |                                        |                                                         |                             |                                                   |                   |                                                                  |         |
| 1         | Phòng Kế hoạch-Nghiệp vụ     | 3                                      | Kỹ sư                                                   | V.05.02.07                  | Kỹ sư (hạng III)                                  | Đại học           | Công nghệ thông tin                                              |         |

| TT | Tên khoa, phòng                                        | Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức năm 2019 |                                                         |                             |                                                   |          |                                                                  |         |
|----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------|---------|
|    |                                                        | Số lượng cần tuyển                     | Vị trí việc làm cần tuyển dụng<br>(Tên vị trí việc làm) | Mã số chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp (ghi rõ Tên hạng CDNN) | Trình độ | Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu của vị trí việc làm | Ghi chú |
| 1  | 2                                                      | 3                                      | 4                                                       | 5                           | 6                                                 | 7        | 8                                                                | 9       |
| 2  | Khoa Sức khỏe môi trường-Y tế trường học               | 2                                      | Kỹ sư                                                   | V.05.02.07                  | Kỹ sư (hạng III)                                  | Đại học  | Khoa học môi trường                                              |         |
| 3  | Khoa Truyền thông, Giáo dục sức khỏe                   | 3                                      | Nghiệp vụ truyền thông                                  | V.11.02.06                  | Phóng viên (hạng III)                             | Đại học  | Báo chí                                                          |         |
| 4  | Khoa Ký sinh trùng - Côn trùng                         | 1                                      | Kỹ sư                                                   | V.05.02.07                  | Kỹ sư (hạng III)                                  | Đại học  | Sinh học                                                         |         |
| 5  | Khoa Kiểm dịch y tế quốc tế                            | 1                                      | Kỹ sư                                                   | V.05.02.07                  | Kỹ sư (hạng III)                                  | Đại học  | Công nghệ thực phẩm                                              |         |
| 6  | Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh - thăm dò chức năng | 3                                      | Kỹ sư                                                   | V.05.02.07                  | Kỹ sư (hạng III)                                  | Đại học  | Công nghệ thực phẩm                                              |         |
| 7  | Phòng khám đa khoa                                     | 1                                      | Nghiệp vụ công tác xã hội                               | V.09.04.02                  | Công tác xã hội viên (hạng III)                   | Đại học  | Công tác xã hội                                                  |         |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                       | <b>82</b>                              |                                                         |                             |                                                   |          |                                                                  |         |

